

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 20 - 01 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Phượng;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:*** Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021; thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 07/2021/TB-TA ngày 27 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị U, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 07, ấp T, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Tổ 08, ấp T, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Trần Khánh N, chức vụ - Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1973, chức vụ nhân viên Công ty TNHH MTV T. Nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: Bà U, ông Th có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị U trình bày:

Vào ngày 01/01/2019 bà có ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV T (gọi tắt Công ty T) do bà Huỳnh Thị L làm giám đốc, nay bà Huỳnh Trần Khánh N làm giám đốc. Hợp đồng số 30/HĐTPT – HNCT ngày 01/01/2019. Hợp đồng thuê phương tiện là chiếc xe tải biển kiểm soát 95H – 0587 do tài xế Danh H điều khiển. Tiền công mỗi xe là 130.000đ. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Trong thời gian từ ngày 28/02/2019 đến ngày 25/3/2019 phía bà U vận chuyển được 177 xe là 23.010.000đ, khi nhận tiền thì phía Công ty chỉ trả 113 xe là 14.690.000đ còn thiếu lại 63 xe là 8.190.000đ, ngày 10/4/2019 bà U đến khiếu nại thì Công ty đã thanh toán hết số tiền còn lại. Nhưng phía Công Ty T cùng Xí nghiệp khai thác và chế biến đá C tự ý hủy hợp đồng vận chuyển đá với bà U làm ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của bà từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019. Cụ thể trong đơn khởi kiện bà yêu cầu: Bồi thường hợp đồng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 130.000.000đ; tài sản bị hao hụt từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 10.000.000đ; thiệt hại về uy tín, danh dự từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 86.666.666đ; thiệt hại tiền thuê tài xế từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 48.533.333đ; thiệt hại tiền nộp vào để ký hợp đồng là 50.000.000đ. Tổng cộng: 324.000.000đ.

Tại phiên hòa giải ngày 30/3/2021 nguyên đơn bà U xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty T bồi thường do vi phạm Điều 3 của hợp đồng số 30/HĐTPT – HNCT ngày 01/01/2019 do Công Ty T tự ý chấm dứt hợp đồng từ tháng 04/2019 đến tháng 12/2019 với số tiền $7.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 56.000.000\text{đ}$.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV T là ông Huỳnh Văn Th trình bày:

Ngày 01/01/2019 Công ty T có ký hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển là xe tải biển kiểm soát 95H – 0587 do bà U làm chủ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà U đã không tuân thủ, chấp hành theo nội quy của Công ty, điển hình ngày 07/4/2019 xí nghiệp khai thác và chế biến đá C đã lập biên bản vi phạm nội quy do phương tiện vận chuyển đã vi phạm quy chế quản lý của xí nghiệp. Sau khi ký hợp đồng bà U đã không giao xe cho Công ty quản lý. Ngày 10/4/2019 Công ty T ban hành Công văn số 01/TB-CTY về việc ngừng thuê xe vận chuyển gửi cho bà Mai Thị U. Xuất phát từ việc chủ phương tiện đã không thực hiện theo sự điều động của xí nghiệp làm ảnh hưởng đến các phương tiện vận chuyển khác nên Công ty T không có lỗi trong việc chấm dứt hợp đồng, nên không đồng ý bồi thường số tiền 56.000.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Mai Thị U giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Công ty T phải bồi thiệt hại do vi phạm hợp đồng thuê tài sản với số tiền 56.000.000đ.

Bị đơn Công ty T cho rằng không có lỗi nên không đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị U, buộc bị đơn Công ty TNHH MTV T bồi thường cho bà U số tiền 56.000.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu bồi thường do tài sản bị hao hụt; thiệt hại về uy tín, danh dự; thiệt hại tiền thuê tài xế; thiệt hại tiền tài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài sản. Do đây là hợp đồng thuê tài sản nên là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty TNHH MTV T có địa chỉ: Tổ 08, ấp T, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng bà U tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối Công ty TNHH MTV T về việc yêu cầu: Bồi thường hợp đồng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 130.000.000đ; tài sản bị hao hụt từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 10.000.000đ; thiệt hại về uy tín, danh dự từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 86.666.666đ; thiệt hại cho tài xế do bà U phải trả từ ngày 10/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 48.533.333đ; thiệt hại một cái tài từ xưa đến nay là 50.000.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà U.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 (bút lục 60) và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà U xác định chỉ yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, vì bà và Công ty T trực tiếp ký kết hợp đồng thuê phương tiện vận tải với nhau. Bà không trực tiếp ký với Cty 622. Nên chỉ yêu cầu Công ty T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do vi phạm hợp đồng thuê tài sản với bà. Còn việc của Công ty T với Cty 622 hợp đồng như thế nào và chấm dứt hợp đồng với nhau ra sao thì bà không liên quan, giữa hai Cty tự giải quyết với nhau. Đồng thời, nguyên đơn cũng xác định không yêu cầu đưa Cty 622 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tư cách Cty 622 liên quan trong vụ án là có cơ sở.

[4] Về nội dung vụ án: Tại Hợp đồng thuê phương tiện phục vụ kinh doanh số: 30/HĐTPT-HNCT ngày 01 tháng 01 năm 2019. Bên A (bên thuê) Cty TNHH MTV T với bên B (bên cho thuê) bà Mai Thị U. Nội dung Hợp đồng gồm có 04 điều khoản. Thời hạn giao kết hợp đồng là 01 năm từ 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Tại Điều 4 của hợp đồng thể hiện nội dung “Nếu phát sinh gì thì hai bên cùng trao đổi, bàn bạc mới tiếp tục thực hiện hợp đồng”. Theo nội dung vụ án thì ngày 07/4/2019 Công đoàn cơ sở Xí nghiệp khai thác và chế biến

đá C lập biên bản vi phạm nội quy đối với Công ty T về việc phương tiện 95H-0587 do bà Mai Thị U là chủ sở hữu không chấp hành việc đối chiếu sổ sách số liệu vận chuyển trong tháng 03/2019, bà U có hành vi gây mất trật tự và lời lẽ xúc phạm cán bộ Xí nghiệp. Đề nghị Công ty T làm việc với chủ phương tiện, đại diện Công ty thống nhất với ý kiến của Xí nghiệp. Đến ngày 10/4/2019 Xí nghiệp khai thác và chế biến đá C có Công văn số 98/TB-XN gửi Công ty T nội dung chấm dứt hợp đồng với chủ phương tiện 95H-0587 lý do không chấp hành quy chế quản lý của Xí nghiệp. Cùng ngày, Công ty T có Công văn số 01/TB-CTY gửi bà Mai Thị U thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển số 30/HĐTPT-HNCT ngày 01 tháng 01 năm 2019 trước thời hạn với cùng lý do nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình vận chuyển đá cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá C, giữa bà U và Xí nghiệp có mâu thuẫn nhau trong việc thanh toán tiền vận chuyển nên hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý vụ việc thì Xí nghiệp khai thác và chế biến đá C chỉ có biên bản làm việc với Công ty T về việc chủ phương tiện 95H-0587 vi phạm nội quy, không có bà U tham gia. Đồng thời Công ty T cũng không tiến hành làm việc với bà U về việc thực tế có hay không có hành vi vi phạm của phương tiện bà U, mà Công ty đã nhanh chóng ban hành Công văn 01/TB-CTY ngày 10/4/2019 để thông báo chấm dứt hợp đồng số 30/HĐTPT-HNCT ngày 01 tháng 01 năm 2019 mà hai bên đã ký kết là không phù hợp với nội dung tại Điều 4 của Hợp đồng “Trong quá trình triển khai, ngoài những thỏa thuận trên, nếu phát sinh gì 02 bên cùng trao đổi, bàn bạc mới tiếp tục hợp đồng”. Do đó, việc tự ý chấm dứt hợp đồng của Công ty T là vi phạm hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Mai Thị U. Căn cứ tại Điều 472; Điều 419 và Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV T bồi thường giá trị hợp đồng do đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng từ tháng 04/2019 đến tháng 12/2019 với số tiền 56.000.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Mai Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đ.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 472 Điều 419; Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Mai Thị U về việc yêu cầu bồi thường do tài sản bị hao hụt; thiệt hại về uy tín, danh dự; thiệt hại tiền thuê tài xế; thiệt hại tiền tài.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị U đối với Công ty TNHH MTV T về bồi thường giá trị hợp đồng với số tiền 56.000.000đ.

[3] Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị U số tiền 56.000.000đ

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đ.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện KSND tỉnh AG;
- Viện KSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Sơn Thị Thúy Liễu

